

Bản án số: 70/2018/HSPT
Ngày 11 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Lương Đức Dương

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thúy Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2018/TLPT-HS ngày 29-6-2018 đối với bị cáo Lưu Thị Hoàng O và 04 bị cáo do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 21-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Lưu Thị Hoàng O, sinh năm 1968; nơi sinh: tỉnh Nghệ An; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Lưu Thanh T và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); có chồng Nguyễn Phước H và 07 người con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-8-2015 đến ngày 08-10-2015; tiếp tục bị bắt tạm giam từ ngày 14-01-2018 - Có mặt.

2. Nguyễn Phước H, sinh năm 1966; nơi sinh: tỉnh Bình Phước; trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; có vợ Lưu Thị Hoàng O và 07 người con; đang tại ngoại - Có mặt.

3. Lưu Thị Anh Đ, sinh năm 1971; nơi sinh: tỉnh Nghệ An; trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Lưu Thanh T và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); có chồng Nguyễn Ngọc B và 07 người con; đang tại ngoại - Có mặt.

4. Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1967; nơi sinh: tỉnh Nghệ An; trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Hoàng Thị H; có vợ Lưu Thị Anh Đ và 07 người con; đang tại ngoại - Có mặt.

5. Nguyễn Văn V (B, V C), sinh năm 1988; nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký NKTT: Khối A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở trước khi phạm tội: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị S; có vợ Nguyễn Thị T và 01 người con; nhân thân: Ngày 19-5-2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 11 năm tù về tội “*Giết người*”, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ ngày 29-5-2016 - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Thị Hoàng O và Nguyễn Phước H: Ông Tô Tiến Dũng - Luật sư Văn phòng Luật sư La Minh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Địa chỉ: Số 152 , đường Lê Duẩn, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Thị Anh Đ và Nguyễn Ngọc B: Ông Dương Lê Sơn - Luật sư Văn phòng Luật sư La Minh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Địa chỉ: Số 152 , đường Lê Duẩn, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02-10-2014, Lưu Thị Hoàng O cho anh Nguyễn Văn T, tên thường gọi là S vay số tiền là 230.000.000 đồng. Đến tháng 4-2015, anh Nguyễn Văn T mới trả cho Lưu Thị Hoàng O được 110.000.000 đồng, còn nợ lại 120.000.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng Nguyễn Văn T không trả nên ngày 20-5-2015, Lưu Thị Hoàng O đến quán cà phê Anh V tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông gặp và nhờ Nguyễn Văn V đòi nợ số tiền trên từ Nguyễn Văn T thì Nguyễn Văn V đồng ý. Đến khoảng 00 giờ ngày 03-6-2015, khi anh Nguyễn Văn T đang ngủ trong chòi rẫy tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thì Nguyễn Văn V cùng một số đối tượng nam giới (khoảng 05 đối tượng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến yêu cầu Nguyễn Văn T trả tiền nợ cho Lưu Thị Hoàng O thì Nguyễn Văn T nói đã trả hết nợ cho Lưu Thị Hoàng O, lúc này 01 đối tượng đeo khẩu trang yêu cầu anh Nguyễn Văn T đưa điện thoại di động cho đối tượng này và đối tượng này tháo sim trong điện thoại

của anh Nguyễn Văn T ra để trên bàn uống nước không cho anh Nguyễn Văn T liên lạc với gia đình. Sau đó, Nguyễn Văn V gọi điện thoại nói cho Lưu Thị Hoàng O biết là đã tìm được anh Nguyễn Văn T để Lưu Thị Hoàng O đưa giấy tờ vay nợ vào để nói chuyện. Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, Lưu Thị Hoàng O cùng chồng là Nguyễn Phước H điều khiển xe mô tô biển số 47F8 - 2695 đến chòi rẫy của anh Nguyễn Văn T. Khi đến nơi, Lưu Thị Hoàng O có lời lẽ đe dọa anh Nguyễn Văn T và yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả tiền nhưng anh Nguyễn Văn T không trả. Cùng lúc này, một đối tượng nhặt được một tờ giấy có ghi anh Nguyễn Văn T mới vay được 70.000.000 đồng nên Nguyễn Văn V cùng 03 đối tượng nam giới lục tìm tài sản trong chòi rẫy của anh Nguyễn Văn T phát hiện và lấy được 7.400.000 đồng để dưới nệm giường ngủ, một đối tượng lục tìm trong túi quần của anh Nguyễn Văn T lấy được 100.000 đồng rồi đưa lại cho Lưu Thị Hoàng O; Lưu Thị Hoàng O đếm tiền và cất số tiền 7.500.000 đồng vào túi xách của mình. Sau đó, Nguyễn Văn V tiếp tục yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả tiền nhưng anh Nguyễn Văn T xin khất lại nên Nguyễn Văn V dùng tay phải tát 01 phát vào mặt anh Nguyễn Văn T và 02 đối tượng nam giới đè anh Nguyễn Văn T nằm xuống giường rồi dùng tay đánh, đấm nhiều phát vào người, mặt của anh Nguyễn Văn T. Thấy anh Nguyễn Văn T bị chảy nhiều máu nên Nguyễn Văn V và đồng bọn dừng lại không đánh nữa. Để buộc anh Nguyễn Văn T phải trả nợ, Lưu Thị Hoàng O yêu cầu anh Nguyễn Văn T kê khai và thế chấp các tài sản có giá trị để gán nợ cho Lưu Thị Hoàng O theo sự hướng dẫn của Nguyễn Văn V. Vì sợ bị đánh tiếp nên anh Nguyễn Văn T đã viết giấy thế chấp tài sản cho Lưu Thị Hoàng O các tài sản gồm: 01 bộ bàn ăn gỗ hương; 01 bộ cửa 04 cánh; 01 máy hàn 3 pha; 01 máy bơm 3 pha; 01 bộ bàn ghế; 01 máy bơm một ngựa; 01 máy cắt sắt 3T5; 01 máy bơm một ngựa rươi; nếu đến ngày 06-6-2015 anh Nguyễn Văn T không trả tiền nợ cho Lưu Thị Hoàng O thì toàn bộ số tài sản này thuộc quyền sở hữu của Lưu Thị Hoàng O.

Sau khi ép anh Nguyễn Văn T viết giấy thế chấp tài sản thì Lưu Thị Hoàng O gọi điện thoại nhờ Lưu Thị Anh Đ, Nguyễn Ngọc B và Nguyễn Vũ T đến nhà của anh Nguyễn Văn T chở số tài sản trên, đồng thời Lưu Thị Hoàng O đưa giấy thế chấp tài sản mà anh Thuật vừa viết cho Nguyễn Phước H để Nguyễn Phước H cùng với một số đối tượng nam giới là đồng bọn của Nguyễn Văn V đến nhà anh T lấy tài sản; còn Lưu Thị Hoàng O, Nguyễn Văn V và 01 đối tượng nam giới ở lại trong chòi rẫy cùng anh T. Đến khoảng 03 giờ ngày 03-6-2015, Nguyễn Ngọc B điều khiển xe ô tô biển số 48C - 014.62 chở Lưu Thị Anh Đ và Nguyễn Vũ T đến nhà của anh Nguyễn Văn T để chở tài sản về cho O. Nguyễn Phước H vào nhà gặp chị Nguyễn Thị Tuyết N (vợ anh T) đưa giấy thế chấp tài sản do anh T viết ra yêu cầu giao tài sản thì chị Nguyễn Thị Tuyết N để cho Nguyễn Phước H và các đối tượng vào nhà khiêng 01 bộ bàn ghế bằng gỗ (gồm 01

cái bàn có kích thước và 10 cái ghế); 01 bộ bàn ghế có 01 cục gỗ dùng làm ghế; 01 cục gỗ dùng làm bàn) lên xe ô tô biển số 48C - 014.62. Sau đó, theo chỉ dẫn của Lưu Thị Hoàng O, Nguyễn Ngọc B điều khiển xe ô tô biển số 48C - 014.62 cùng các đối tượng trên đến chòi rẫy của anh Nguyễn Văn T tiếp tục lấy các tài sản gồm 01 máy cắt sắt; 01 máy mô tơ; 01 máy biến thế hàn; 01 máy bơm; 01 máy bơm đưa lên xe ô tô, rồi điều khiển về lại nhà anh Nguyễn Văn T để tiếp tục tháo 01 bộ cửa gỗ 04 cánh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 34 ngày 15-7-2015 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 3.836.580 đồng; 01 bộ bàn ăn 10 ghế gỗ hương giá trị còn lại là 24.000.000 đồng; 01 máy cắt sắt hiệu Odener Cut - Off Machine 355mm, giá trị còn lại là 1.260.000 đồng; 01 máy mô tơ màu xanh bề mặt có chữ Anh Dũng bằng sơn màu trắng, giá trị còn lại là 4.500.000 đồng; 01 máy biến thế hàn 250A hiệu Hằng Ký, giá trị còn lại là 4.950.000 đồng; 01 máy bơm hiệu An Phát màu xanh, giá trị còn lại là 1.260.000 đồng; 01 máy bơm hiệu LX 15DK20, giá trị còn lại là 1.080.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 40.886.580 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản bổ sung số: 41 ngày 28-11-2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: 01 bộ cửa bằng gỗ gỗ mật 04 cánh có chạm khắc hình nghệ thuật ở mỗi mặt cánh, tổng kích thước cao 2,75m, rộng 2,9m, dày 0,09m có giá trị còn lại là 52.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 100.886.580 đồng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 361 ngày 11-4-2016, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận: Nguyễn Văn T bị các vết sung nề, tụ máu, bầm tím mô tả hiện đã hết; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: các vết sung nề, tụ máu, bầm tím mô tả ở trên hiện tại đã hết, tỷ lệ tổn thương 0%; vật gây thương tích: Do vật tày gây nên.

Đối với Nguyễn Văn V rong quá trình bị tạm giam tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vào ngày 29-6-2017, Nguyễn Văn V bị rối loạn nhịp tim, khó thở, huyết áp không ổn định nên nhà tạm giữ Công an huyện Đ đưa Nguyễn Văn V vào nhập viện để điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện Đ. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01-7-2017, Nguyễn Văn V được một đối tượng tên X (hiện chưa xác minh được nhân thân lai lịch) là bạn quen biết đến thăm nuôi. Khi X vào gặp Nguyễn Văn V có mang theo một túi trái cây để trên đầu giường bệnh cho Nguyễn Văn V bên trong có một chùm chìa khóa có vòng khoen bằng kim loại để kết nối các chìa khóa. Nguyễn Văn V đã tháo lấy khoen móc khóa kẹp trong ngón tay và bỏ vào túi áo trước ngực. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 02-7-2017 Nguyễn Văn V lấy vòng khoen móc khóa, sử dụng răng cắn vào phần bị hở đuôi thẳng khoen thành đoạn kim loại dài khoảng 05 cm sau đó cầm bằng tay phải chọc đoạn kim loại vào còng số 8 để mở ổ khóa còng tay. Sau khi mở được khóa còng, Nguyễn Văn V tháo cùm chân và bỏ trốn đến

khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi về thăm nhà Nguyễn Văn V đến cơ quan điều tra Công an huyện Đ đầu thú.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 21-05-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lưu Thị Hoàng O, Nguyễn Phước H, Lưu Thị Anh Đ, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Văn V (B, V C) phạm tội “*Cướp tài sản*”; bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”.

1.1 Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thị Hoàng O 08 (*Tám*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14-01-2018, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-8-2015 đến ngày 08-10-2015.

1.2 Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 07 (*Bảy*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.3 Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thị Anh Đ 07 (*Bảy*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4 Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133; các điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 và Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 03 (*Ba*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 05 (*Năm*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.5. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133; khoản 1 Điều 311, khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V (B, V C) 08 (*Tám*) năm tù về tội Cướp tài sản và 01 (*Một*) năm tù về tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (*Chín*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 29-5-2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 30-5-2018, bị cáo O kháng cáo kêu oan; ngày 01-6-2018 bị cáo H, B, Đ kháng cáo kêu oan; ngày 04-6-2018 bị cáo V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 10-8-2018, các bị cáo O, H, B, Đ có đơn thay đổi nội dung kháng cáo không kêu oan, bị cáo O và B chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H và Đ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo O, H, B, Đ, V thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu quan điểm và kết luận: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Thị

Hoàng O, Nguyễn Phước H, Lưu Thị Anh Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật và hình phạt đối với các bị cáo: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo O từ 6 năm đến 06 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt các bị cáo H, Đ mỗi bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc B và Nguyễn Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo B và bị cáo V.

Ý kiến của luật sư Dương Lê Sơn: Đồng ý với quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát.

Ý kiến của luật sư Tô Tiến Dũng: Đối với bộ cửa gỗ là anh T tự nguyện giao nộp trong khi các bị cáo không có ý chiếm đoạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo có chiếm đoạt bộ cửa hay không? Vì định lượng giá trị tài sản chiếm đoạt có ảnh hưởng đến khung hình phạt và mức hình phạt của các bị cáo. Còn đối với những quan điểm khác của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo không bào chữa gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bản án sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 21-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt các bị cáo Lưu Thị Hoàng O, Nguyễn Phước H, Lưu Thị Anh Đ, Nguyễn Ngọc B về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Nguyễn Văn V về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo của các bị cáo Lưu Thị Hoàng O, Nguyễn Phước H, Lưu Thị Anh Đ, Nguyễn Ngọc B, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo kêu oan, tuy nhiên đến ngày 10-8-2018, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm quy định pháp luật và phạm tội “*Cướp tài sản*”, do đó bị cáo O và B chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H và Đ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho người bị hại 3.000.000 đồng, đã thể hiện thái độ ăn năn, hối cải của các bị cáo. Mặt khác, hành vi phạm tội của các bị cáo cũng xuất phát từ phần lớn lỗi của bị hại, đã nợ tiền của bị cáo O nhưng không trả nợ theo đúng thỏa thuận mặc dù bị cáo O đã đòi nợ nhiều lần, nên gây ra rất nhiều khó khăn cho bị cáo O. Đối với các bị cáo H, Đ, B là đồng phạm giúp sức cho bị cáo O, chỉ thực hiện hành vi đi chở tài sản theo giấy thể chấp do bị cáo O yêu cầu. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho người bị hại. Nhưng Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xử phạt bị cáo O 08 năm tù, bị cáo H và Đ mỗi bị cáo 07 năm tù là quá nghiêm khắc, chưa xem xét đánh giá toàn diện hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như nguyên nhân phát sinh hành vi phạm tội, với các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhân thân của các bị cáo cho phù hợp. Xét thấy, các bị cáo H và Đ có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nếu không bắt các bị cáo H, Đ đi chấp hành hình phạt tù cũng không làm ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm, căn cứ Nghị Quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-05-2018 hướng dẫn áp dụng Bộ luật Hình sự về án treo thì các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, do đó cần áp dụng Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm hình phạt và cho các bị cáo H, Đ được hưởng án treo là phù hợp. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc B, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xử phạt bị cáo B 03 năm tù cho hưởng án treo là phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo O, H, Đ; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo B. Sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật và phần hình phạt, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo O, giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo đối với bị cáo H, Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo B.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V: Mặc dù bị cáo có nhân thân xấu và phạm tội với vai trò chính nhưng sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường cho người bị hại, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil quyết định xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” là có phần nghiêm khắc, đối với tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp, do đó có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt của tội “*Cướp tài sản*”, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta và tính công bằng đối với bị cáo.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Lưu Thị Hoàng O, Nguyễn Phước H, Lưu Thị Anh Đ, Nguyễn Văn V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Thị Hoàng O, Nguyễn Phước H, Lưu Thị Anh Đ, Nguyễn Văn V; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo

Nguyễn Ngọc B, sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật và phần hình phạt đối với các bị cáo O, H, Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo V, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo B.

1.1. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lưu Thị Hoàng O 05 (Năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 14-01-2018, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-8-2015 đến ngày 08-10-2015.

1.2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cướp tài sản*”, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lưu Thị Anh Đ 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cướp tài sản*”, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.4. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cướp tài sản*”, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Phước H, Lưu Thị Anh Đ và Nguyễn Ngọc B cho ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định.

1.5. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 386; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 07 (Bảy) năm tù về tội “*Cướp tài sản*” và 01 (Một) năm tù về tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành

hình phạt chung là 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 29-5-2016.

2. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HS - CA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- CA huyện Đắk Mil;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- TAND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Lưu: THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương